

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng

Công trình ñược hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học:

Phản biện 1

Phản biện 2

Luận văn sẽ ñược bảo vệ tại Hội ñồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 10 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng



1. Tính cấp thiết của nề tài

Nằm trong bối cảnh chung của cả nước, trong những năm nổi mới vừa qua kinh tế tư nhân ở Khánh Hòa đã có những bước phát triển đáng kể. Khu vực kinh tế tư nhân đã góp phần quan trọng vào huy động các nguồn lực giải quyết việc làm tăng thu nhập và làm sống động nền kinh tế của địa phương, tạo áp lực cạnh tranh thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế trên địa bàn. Tuy số lượng cơ sở và doanh nghiệp tư nhân tăng lên rất nhanh, nhất là từ khi có luật doanh nghiệp, nhưng chất lượng hoạt động chưa tương xứng với sự gia tăng đó. Hầu hết cơ sở doanh nghiệp tư nhân quy mô còn nhỏ, công nghệ lạc hậu, chất lượng nguồn nhân lực kém, còn mang nặng tính tự phát, chủ sản xuất - kinh doanh chưa yên tâm phát triển lâu dài... tình trạng này gây tác động hạn chế không nhỏ đến yêu cầu đẩy mạnh CNH - HĐH của tỉnh và quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Khánh Hòa đang thiếu các giải pháp và cơ chế để phát huy những yếu tố tích cực của thành phần kinh tế này và hạn chế những tiêu cực của nó trong quá trình phát triển. Trước những vấn đề bức bách nêu trên tôi chọn đề tài ***“Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Khánh Hòa”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ kinh tế của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Phân tích, đánh giá thực trạng thành phần kinh tế tư nhân ở Khánh Hòa, trên cơ sở đó đề xuất phương hướng và một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy mặt tích cực hạn chế mặt tiêu cực của nó trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Khánh Hòa.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích đánh giá thực trạng kinh tế tư nhân ở Khánh Hòa, chỉ rõ những thành công, hạn chế và nguyên nhân những hạn chế trong phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Khánh Hòa.



- Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: các DNTN, công ty TNHH, công ty CP và bỏ qua các loại hình kinh doanh cá thể vì loại hình này rất khó thu thập thông tin và số liệu thống kê có sẵn không đầy đủ và manh mún.

- Phạm vi và không gian: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu nội dung trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Thời gian: Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa từ nay đến năm 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được coi trọng sử dụng trong luận văn là thu thập, nghiên cứu các tài liệu có sẵn bao gồm các báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội; các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển ngành nói riêng..., tổng hợp và phân tích, phương pháp thống kê, phân tích kinh tế...

6. Đóng góp của luận văn

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về KTTN.

- Đánh giá quá trình phát triển KTTN ở tỉnh Khánh Hòa trong những năm qua.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm phát huy tính tích cực và hạn chế những tiêu cực của thành phần kinh tế này trên địa bàn.



CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.1. KHÁI NIỆM VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Phát triển là một quá trình vận động ãi lên. Phát triển phải là một quá trình lâu dài, luôn thay ãi và sự thay ãi ãó theo hướng ngày càng hoàn thiện. Phát triển cũng ãược lý giải như một quá trình thay ãi theo hướng hoàn thiện về mọi mặt của nền kinh tế như: kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế trong một thời gian nhất ãịnh.

1.2. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN

1.2.1. Khái niệm về kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn ãề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ãịnh hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện ãại hoá, nâng cao nội lực của ãất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2.2. Đặc ãiểm của kinh tế tư nhân

Về hình thức sở hữu: KTTN tồn tại và phát triển dựa trên quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và vốn cũng như tất cả của cải vật chất ãược tạo ra nhờ tư liệu sản xuất và vốn ấy.

Về hình thức tổ chức, quản lý: Trong nền kinh tế thị trường, hoạt ãộng kinh tế của tư nhân ãược tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau.

Về hình thức phân phối: Trong KTTN hình thức này ãược thực hiện dựa trên cơ sở sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ãồng thời là người lao ãộng, không có thuê mướn nhân công, thì phân phối sản phẩm ãược thực hiện trực tiếp trong nội bộ gia ãình. Đối với các cơ



sở tư nhân mà chủ sở hữu có sử dụng lao động làm thuê, thì phân phối sản phẩm căn cứ vào giá trị sức lao động của lao động làm thuê để trả công cho họ, còn phần thặng dư thuộc về người sở hữu. Đối với các công ty tư nhân có nhiều chủ nòng sở hữu, việc phân phối kết quả sản xuất kinh doanh được dựa trên cơ sở vốn góp của mỗi chủ có ở trong công ty.

1.3. NỘI DUNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.3.1. Nội dung phát triển kinh tế tư nhân

Phát triển KTTN thể hiện ở sự tăng lên về quy mô và tầm quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế, tức là sự gia tăng về số lượng, giá trị, thị phần sản phẩm của KTTN trên thị trường, mở rộng quy mô thị trường và khai thác được nguồn khách hàng tiềm năng.

Không ngừng hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động trong doanh nghiệp để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các thiệt hại tổn thất trong quá trình sản xuất... từ đó có thể tiết kiệm chi phí và hạ giá thành.

Phát triển KTTN thể hiện sự thay đổi về chất lượng là sự đổi mới, cải tiến công nghệ có thể tạo ra sản phẩm mới có chất lượng nhằm nâng cao lòng tin, uy tín của doanh nghiệp với khách hàng.

Phát triển KTTN phải hướng tới sự hài hoà giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường tức là nhằm đạt tới sự phát triển bền vững.

1.3.2. Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế tư nhân

- Sự tăng lên về số lượng và quy mô doanh nghiệp
- Mức độ gia tăng vốn đầu tư



- Trình độ công nghệ và quy mô máy móc thiết bị
- Mức độ nóng góp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế tỉnh

1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.4.1. Nội lực của kinh tế tư nhân

1.4.1.1. Vốn sản xuất kinh doanh

Vốn sản xuất kinh doanh là vấn đề quan trọng nhất nối với mỗi doanh nghiệp, nó xác định quy mô sản xuất, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, quyết định tiềm lực, sức mạnh của một doanh nghiệp. Do nhiều nguyên nhân (nhiều số là không có tài sản thế chấp), các DN của tư nhân gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các nguồn vốn chính thức hơn là các doanh nghiệp lớn hơn nâng hoạt động ổn định. Do đó, các DN của tư nhân thường phải trông cậy vào các nguồn vốn phi chính thức như: vay của gia đình, bạn bè, khách hàng..., hơn là vay từ các ngân hàng, các tổ chức cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính khác...

1.4.1.2. Khoa học công nghệ

Công nghệ nước hiệu là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ và phương tiện để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm phục vụ cho cuộc sống xã hội. Công nghệ là công cụ cạnh tranh then chốt. Công nghệ quyết định sự khác biệt sản phẩm trên các phương diện chất lượng, thương hiệu và giá cả. Đổi mới công nghệ là một yêu cầu mang tính chiến lược.

1.4.1.3. Chất lượng nguồn lao động

Trình độ chuyên môn, tay nghề, sức khỏe của người lao động tốt sẽ tạo ra năng suất lao động cao, thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế. Điều này lại phụ thuộc vào các hoạt động của giáo dục đào tạo, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe... Do đó, chất lượng nguồn



lao động được nâng lên là nhờ vào quá trình đầu tư tác động vào hoạt động này. Cho thấy chất lượng nguồn lao động không phải là yếu tố tự có mà nó biến đổi cùng với quá trình phát triển kinh tế, chúng được xem vừa là nguyên nhân và kết quả của quá trình phát triển kinh tế.

1.4.1.4 Thông tin thị trường

Thông qua thị trường, các sản phẩm hàng hóa được thừa nhận hay không thừa nhận, thị trường có khả năng điều tiết, kích thích các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cũng như cung cấp những thông tin về các sản phẩm hàng hóa cho cả khách hàng và người sản xuất.

Để tham gia thị trường thì việc tiếp cận thông tin về các văn bản, quy định pháp luật cũng như các chính sách của tỉnh và Trung ương là điều không thể thiếu đối với các doanh nghiệp.

1.4.2. Môi trường kinh doanh

Thủ tục hành chính: Thời gian được rút ngắn và thủ tục được đơn giản hóa sẽ tạo điều kiện cho KTTN hoạt động sản xuất kinh doanh sớm hơn.

Thị trường vốn: vấn đề quan trọng và có tính chất quyết định đối với các DN trong quá trình vận hành doanh nghiệp là năng lực tài chính và khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng.

Khó khăn trong việc tiếp cận nhất là có thể làm mất cơ hội đầu tư của doanh nghiệp, ngoài ra, còn làm giảm khả năng huy động vốn (thông qua thế chấp). Do không có được nhất thuộc quyền sở hữu của mình nên nhiều doanh nghiệp phải thuê đất từ các tổ chức, cá nhân khác để làm mặt bằng sản xuất kinh doanh v.v. Việc phải thuê đất mặt bằng sản xuất kinh doanh từ các tổ chức, cá nhân khác khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có nhiều rủi



ro và không ổn định cũng như không được tính làm tài sản doanh nghiệp.

Sự bất bình đẳng với khối kinh tế quốc doanh làm khối doanh nghiệp tư nhân nản lòng và khó phát triển: Khối các doanh nghiệp Nhà nước được ưu đãi về các nguồn lực như đất đai, tín dụng cũng như các hợp đồng kinh tế của chính phủ, điều này đang gây cản trở cho sự phát triển của khối kinh tế tư nhân.

Lĩnh vực thuế: Doanh nghiệp mong muốn các thủ tục liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế cần được rõ ràng và không làm tốn nhiều thời gian, giúp doanh nghiệp tập trung nhiều hơn vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Sự minh bạch và công khai của các quy định và chế tài sẽ tạo điều kiện tốt để các doanh nghiệp trên cơ sở đó hoạt động và phát triển theo đúng các quy định pháp luật, cho phép doanh nghiệp phát triển một cách ổn định và tránh được những thiệt hại, rủi ro đáng tiếc do sự nhận biết không rõ ràng trong các quy định hay sự không lường trước những chính sách, kế hoạch của tỉnh

Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh: Các Trung tâm hoạt động với vai trò là đơn vị hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến và phát triển kinh doanh cần chú trọng việc tìm hiểu những khó khăn, hạn chế chung của doanh nghiệp để từ đó tìm hướng giải quyết và phát triển thành những dịch vụ hỗ trợ DN, đặc biệt là các dịch vụ nào tạo cán bộ trong các lĩnh vực về tài chính, quản lý doanh nghiệp, khảo sát thị trường,...



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH KHÁNH HÒA

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN XÃ HỘI

2.1.1. Các điều kiện tự nhiên, xã hội tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế Khánh Hòa

2.1.2. Các yếu tố tạo hạn chế phát triển kinh tế của Khánh Hòa

2.2. TỔNG QUAN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH KHÁNH HÒA THỜI GIAN QUA

Trong giai đoạn 2006-2010, kinh tế tiếp tục phát triển với nhịp độ tương đối cao và vượt trội những thành tựu quan trọng; là một trong những tỉnh có đóng góp cho ngân sách Trung ương; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng CNH-HĐH.

Quy mô nền kinh tế của tỉnh ngày càng tăng dần qua các năm, đến năm 2010 tổng sản phẩm trong nước (GDP) của tỉnh (theo giá 1994) đạt 12.436 tỷ đồng tăng gấp 1,7 lần so với năm 2005.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và giảm tương đối tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản.

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2010 tăng gấp 2 lần so với năm 2005, đạt hơn 7.000 tỷ đồng.

Các định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng được định hình rõ nét, đã được tạo nền móng, trong đó có những công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả tốt.

2.3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH KHÁNH HÒA



2.3.1. Số lượng doanh nghiệp của khu vực kinh tế tư nhân

Kể từ khi Luật Doanh nghiệp ra đời và có hiệu lực thi hành, thủ tục thành lập doanh nghiệp được giảm bớt, thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được rút ngắn. Chính vì vậy, trong giai đoạn từ năm 2006 đến nay, số lượng doanh nghiệp được thành lập mới của tỉnh Khánh Hòa đã tăng lên mạnh mẽ.

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa, số lượng DN của tư nhân đang hoạt động của Tỉnh Khánh Hòa không ngừng tăng qua các năm, từ 2.112 doanh nghiệp năm 2006 lên 3.607 doanh nghiệp năm 2010, đạt tốc độ tăng bình quân 14,32% năm.

Đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu giữa các loại hình doanh nghiệp KTTN, xu hướng chuyển dịch công ty TNHH và công ty cổ phần tăng về tỷ trọng, DNTN và Công ty CP có vốn NN $\leq 50\%$ giảm dần về tỷ trọng.

Sự gia tăng số lượng doanh nghiệp KTTN trên địa bàn tỉnh chứng tỏ xu hướng biến động phù hợp với quy luật khách quan trong tiến trình phát triển nền kinh tế thị trường, thể hiện sự quan tâm của chính quyền các cấp tới sự phát triển của KTTN, tạo môi trường thông thoáng, khuyến khích đầu tư, tạo cơ hội bình đẳng cho các thành phần kinh tế phát triển.

2.3.2. Nguồn vốn của doanh nghiệp

Tăng trưởng nguồn vốn của DN khu vực kinh tế tư nhân không có đột biến trong những năm 2006-2010, tuy nhiên vẫn chiếm tỷ cao trong tổng nguồn vốn của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Năm 2010, vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp KTTN là 13.314.750 triệu đồng chiếm 55,7% tổng nguồn vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp toàn tỉnh, tăng 392.187 triệu đồng so với năm 2009. Tốc độ tăng bình quân 37,66% năm trong thời kỳ 2006 - 2010.



Tăng trưởng vốn luôn cao hơn nhiều so với tăng trưởng số lượng doanh nghiệp cho thấy ã có không ít doanh nghiệp ãng hoạt ãng ã có tăng trưởng về vốn kinh doanh trong những năm qua.

2.3.3. Số lượng lao ãng

Với việc số lượng doanh nghiệp của tư ãn ãng hoạt ãng của tỉnh Khánh Hòa không ngừng tăng qua các năm, ã giải quyết thêm nhiều việc làm mới cho người lao ãng.

Số lượng lao ãng làm việc cho KTTN ngày càng cao, năm 2010 chiếm 69,14% tổng số lao ãng ở các doanh nghiệp, ãt tốc ã tăng bình quân thời kỳ 2006-2010 là 10,34 % năm. Tăng trưởng lao ãng bình quân thời kỳ 2006-2010 thấp hơn tăng trưởng số lượng doanh nghiệp phản ánh thực tế là có nhiều doanh nghiệp quy mô nhỏ hơn mức trung bình tham gia vào khai thác tiềm ãng tăng trưởng của tỉnh.

2.3.4. Khoa học – công nghệ

Trong 5 năm gần ãy, một số công ty ã mạnh dạn ãu tư vốn, ãi mới trang thiết bị, có công nghệ khá hiện ãi, sản xuất ra nhiều sản phẩm ãt tiêu chuẩn, ãược bình chọn là hàng chất lượng cao, ãủ ãng lực cạnh tranh trên thị trường nội ãi và xuất khẩu: Công ty TNHH Hải Vương, Công ty CP XNK cà phê Intimex Nha Trang, Công ty cổ phần cà phê Mê Trang, Công ty TNHH Tín Thịnh, Công ty CP Nha Trang Seafood – F17... Một số doanh nghiệp chế biến thủy sản ã từng bước ãu tư ãi mới trang thiết bị: dây chuyền rửa và phân cỡ, băng chuyền tự ãng, tủ cấp ãng thế hệ mới, máy ãóng gói qua hút chân không, thiết bị kiểm tra dư lượng kháng sinh. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản...

2.3.5. Đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh



2.3.5.1. Đóng góp vào nguồn thu ngân sách của tỉnh

KTTN nông góp vào nguồn thu ngân sách Nhà nước hàng năm không ngừng tăng, từ 322 tỷ đồng năm 2006 lên 810 tỷ đồng năm 2011.

Từ chỗ có vai trò, vị trí khiêm tốn trong nền kinh tế của tỉnh với mức nông góp vào ngân sách hàng năm không đáng kể, khoảng 322 tỷ đồng năm 2006, đến năm 2010 cùng với tốc độ phát triển nhanh về số lượng, KTTN đã có bước chuyển biến mạnh, trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế của Tỉnh, mức nông góp của KTTN ngày càng cao: năm 2010 tăng lên 810 tỷ đồng. Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 là 25,94%/năm.

2.3.5.2. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một yêu cầu tất yếu trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong giai đoạn hiện nay. Để xây dựng và phát triển một nền kinh tế ổn định, vững chắc với tốc độ phát triển nhanh đòi hỏi phải xác định được một cơ cấu kinh tế hợp lý, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa các ngành kinh tế và giữa các thành phần kinh tế. Cơ cấu kinh tế có ý nghĩa thiết thực trong việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển đa dạng, năng động, phát huy lợi thế tiềm năng về nguồn nhân lực, vật lực, tài lực. Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu luôn có sự nông góp của KTTN. Sự tham gia của KTTN đã xác lập lại cơ cấu nền tảng theo từng thời kỳ phát triển, góp phần nâng cao tỷ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân.

2.3.5.3. Góp phần vào tăng trưởng và phát triển của ngành công nghiệp

Doanh nghiệp KTTN trong ngành công nghiệp nông vai trò to lớn với sự phát triển mạnh của cả ngành công nghiệp của tỉnh.



Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định năm 1994) tỉnh Khánh Hòa năm 2010 đạt 15.398 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2009 (không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2010 là tăng 12%).

Xét về thành phần sở hữu, các sản phẩm công nghiệp trên có thể chia thành các nhóm:

Một là, các sản phẩm hiện nay vẫn thuộc nội quyền hoặc chủ yếu do khu vực kinh tế Nhà nước sản xuất (nường kính RS, nước khoáng, thuốc lá nỉếu, sợi toàn bộ, nước máy sản xuất);

Hai là, các sản phẩm trước đây chủ yếu do khu vực Nhà nước sản xuất, nhưng hiện nay đã chuyển hoàn toàn sang khu vực ngoài kinh tế Nhà nước do thực hiện cổ phần hoá (xi măng, muối hạt, dây khoá kéo);

Ba là, các sản phẩm chủ yếu do khu vực tư nhân thực hiện từ trước tới nay (nǎ chẻ, cát xuất khẩu, gạch nung, thuỷ sản nông lạnh, bia các loại).

2.3.5.4. Tăng thu nhập cho người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động trong DN khu vực KTTN có sự tiến triển khá tốt, tuy nhiên vẫn còn thấp so với mặt bằng thu nhập của người lao động thuộc doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Năm 2010, trong khu vực KTTN thì loại hình công ty CP không có vốn Nhà nước có thu nhập bình quân người/tháng khoảng 3,15 triệu đồng là cao nhất, tiếp đến là công ty CP có vốn Nhà nước có thu nhập bình quân người/tháng khoảng 3,12 triệu đồng.

2.3.5.5. Những nông góp khác

Ngoài ra, sự ra đời và phát triển của KTTN còn tác động đến Nhà nước và xã hội như: thúc đẩy các cơ quan quản lý Nhà nước phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, nâng cao trình độ



và năng lực cán bộ, cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ chế và chính sách nối với KTTN.

KTTN còn có những đóng góp về xã hội như: góp tiền xây dựng quỹ nền ơn nếp nghĩa, trợ cấp nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhân đạo, từ thiện, xây nhà tình nghĩa, nhà tình thương, cứu trợ nông bào bị thiên tai, bão lụt, trợ giúp học sinh nghèo hiếu học và tài trợ các chương trình gây quỹ xã hội khác.

Về xã hội: KTTN phát sinh và phát triển đã góp phần làm phong phú, đa dạng hơn nền kinh tế nhiều thành phần, thúc đẩy các DNNN phải nỗ lực, củng cố, nâng cao trình độ công nghệ, trình độ và năng lực quản lý sản xuất kinh doanh... để tồn tại trong nhiều kiện vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với KTTN và các thành phần kinh tế khác, qua đó góp phần tích cực hơn vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hoà.

2.4. MỘT SỐ YẾU TỐ QUAN TRỌNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH KHÁNH HOÀ THỜI GIAN QUA

- Chi phí gia nhập thị trường
- Tiếp cận nhất nãi và sự ổn định trong sử dụng nhất
- Chất lượng nào tạo lao động
- Thiết chế pháp lý
- Chi phí không chính thức
- Chi phí về thời gian và việc thực hiện các quy định của Nhà nước
- Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh
- Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin
- Dịch vụ hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp của chính quyền, cơ quan quản lý chuyên ngành tỉnh
- Chất lượng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà



2.5. TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

2.5.1. Về phía doanh nghiệp tư nhân

Bản thân doanh nghiệp tư nhân, chủ yếu vẫn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, ãang còn nhiều yếu kém, nhất là về khả năng tìm hiểu thị trường, trình ãộ lập dự án, xác ãịnh chiến lược kinh doanh; khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ mới; cũng như trình ãộ, kỹ năng quản lý doanh nghiệp ...

Lượng vốn bình quân/doanh nghiệp KTTN vẫn còn là một con số khiêm tốn và thấp hơn nhiều lượng vốn bình quân/doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn ãầu tư nước ngoài.

Hoạt ãộng KTTN còn mang nặng tính tự phát: Chủ yếu vẫn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, ãang còn nhiều yếu kém, nhất là về khả năng tìm hiểu thị trường, trình ãộ lập dự án, xác ãịnh chiến lược kinh doanh, nặng về kinh doanh dịch vụ ở ãô thị, chưa quan tâm ãầu tư vào ngành công nghiệp chế biến nông, thủy sản trên ãịa bàn huyện, nhất là ãịa bàn nông thôn.

Hầu hết các DN của tư nhân ãều thiếu những nguồn lực cơ bản cần thiết như: nguồn vốn, ãất ãại, công nghệ, kỹ năng quản lý, nhân lực có chất lượng, thị trường, thông tin... và cả mối quan hệ với các ãối tác quan trọng. Tình trạng thiếu nguồn lực của DN của tư nhân bị kéo dài ãă hạn chế rất lớn sự phát triển của họ.

Nguyên liệu tại ãịa phương ãể sản xuất chế biến hàng xuất khẩu không ãủ ãấp ứng nhu cầu và ãang ngày càng khan hiếm.

2.5.2. Về môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh chưa thật thông thoáng, chưa khuyến khích các chủ thể kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn do thị trường nhỏ hẹp, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao.

Khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp KTTN rất hạn



chế.

Việc tiếp cận các thông tin về văn bản pháp luật, thủ tục hành chính; các quy hoạch, kế hoạch, chính sách của tỉnh nổi với các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế.

Công tác quy hoạch, quản lý ở một số ngành, lĩnh vực còn yếu kém.

Khả năng tiếp cận nhất nãi, mặt bằng sản xuất kinh doanh của các DN còn hạn chế, nặc biệt là nổi với các hình thức thuê, giao nhất của Nhà nước vì vươngng khâu nền bù, giải phóng mặt bằng.

Hoạt nộng khoa học – công nghệ chưa thật sự tạo ra những nột phá nể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa nạo tạo, nghiên cứu và ứng dụng; hiệu quả triển khai các kết quả nề tài nghiên cứu vào thực tiễn còn thấp.

2.5.3. Nguyên nhân những hạn chế

Do trình nộ chuyên môn, kinh nghiệm còn hạn chế, nên nhiều chủ không quan tâm nầu tư cho việc xây dựng các dự án, chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường.

Việc quán triệt và vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của các cấp, các ngành chưa nầy nủ, chậm cụ thể hóa; có lúc, có nơi chưa tạo nược sự thống nhất cao về nhận thức.

Công tác dự báo kinh tế còn yếu, chưa lường hết tình hình thực tế; công tác quy hoạch vùng, ngành còn chậm, thiếu nòng bộ. Cải cách thủ tục hành chính còn hạn chế nhiều mặt.

Công tác triển khai thực hiện một số chính sách chưa kịp thời, thiếu nhất quán, làm mất thời cơ, nhiều giải pháp mang tính bị nộng, nổi phó.

Năng lực, trình nộ của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; tính tiên phong, gương mẫu, ý thức chấp hành, tinh thần trách nhiệm chưa cao.



CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH KHÁNH HÒA

3.1. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HOÀ THỜI GIAN TỚI

3.1.1. Quan niệm phát triển

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; hình thành những ngành sản xuất và dịch vụ có năng suất và hàm lượng giá trị gia tăng cao, những vùng nông lực phát triển của Tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy các thế mạnh, lợi thế của Tỉnh; huy động tối đa nội lực và thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài, nhất là vốn đầu tư, khoa học - công nghệ và phát triển thị trường. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh.

3.1.2. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững trên cơ sở tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Cải thiện và nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

3.1.3. Các nhiệm vụ cụ thể

Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững.

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và của từng sản phẩm cả ở thị trường trong nước và thế giới.



Nâng cao chất lượng giáo dục ão tạo, chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao....

Đẩy mạnh phát triển và chuyển giao công nghệ.

Phát triển mạnh mẽ hệ thống kết cấu hạ tầng.

Sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường công tác bảo vệ và cải thiện môi trường.

Đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

3.1 4. Mục tiêu phát triển kinh tế tỉnh Khánh Hòa ãn 2015

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVI, mục tiêu phát triển kinh tế tỉnh Khánh Hoà như sau:

- Tốc ã tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 12 - 13%; GDP bình quân ãu người ãt trên 3.000 USD vào năm 2015 (tăng 2 lần so năm 2010); Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - du lịch; công nghiệp - xây dựng; nông, lâm, thủy sản. Giá trị dịch vụ - du lịch tăng bình quân trên 14%. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân trên 17%; Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng trên 4%. Tổng giá trị xuất khẩu năm 2015 ãt trên 1.250 triệu USD, xuất khẩu ãa phương tăng bình quân trên 15%/năm; Thu ngân sách năm 2015 tăng 2,5 lần so năm 2010; Tổng vốn ãu tư toàn xã hội 5 năm trên 175 nghìn tỷ ãng.

3.1.5. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

3.1.5.1. Phát triển ngành kinh tế

Về công nghiệp: coi trọng các ngành và sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến nông sản thành phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng từ nguồn nguyên liệu ãa phương, công nghiệp cảng phục vụ kinh tế biển, ãóng mới và sửa chữa tàu thuyền ...

Về Du lịch: Phương hướng chính là phát triển mạnh du lịch



quốc tế, lấy du lịch quốc tế làm động lực thúc đẩy du lịch nội địa và các ngành dịch vụ phát triển.

Về Dịch vụ: Phát triển các loại hình dịch vụ: dịch vụ vận tải biển, hàng không, tài chính, ngân hàng, du lịch, xây dựng, bảo hiểm, tư vấn, viễn thông ...

Về Thương mại: Phát triển thương mại, xây dựng các Trung tâm thương mại - dịch vụ hiện nay tại Nha Trang, Cam Ranh nhằm bảo lưu thông hàng hóa nhanh, thuận tiện, kích thích mạnh sản xuất.

Về Thủy sản: Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản, thủy lợi hóa các vùng nuôi tập trung, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ về giống, nã dạng hóa và quản lý tốt chất lượng sản phẩm nuôi trồng.

3.1.5.2. Phát triển các lĩnh vực xã hội

Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, các lĩnh vực.

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ, gắn với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy các giá trị di sản văn hóa.

3.1.5.3. Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước

Tiếp tục triển khai Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước.

3.2. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH KHÁNH HÒA

3.2.1. Mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Khánh Hòa



Theo Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011-2015 tỉnh Khánh Hoà, mục tiêu đặt ra nổi khu vực kinh tế tư nhân tỉnh như sau:

- Số DN thành lập mới tăng khoảng 17%/năm. Tổng vốn đầu tư của Kinh tế tư nhân trong 5 năm 2011-2015 đạt khoảng 105.810 tỷ đồng, chiếm hơn 30% tổng đầu tư toàn xã hội.
- Bình quân hàng năm tạo thêm việc làm cho 8.000 lao động mới; có khoảng 2.000 lao động được hỗ trợ đầu tư về kỹ thuật và các kỹ năng quản lý.
- Đóng góp của kinh tế tư nhân vào ngân sách Nhà nước: bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 26,5%
- Giá trị sản xuất công nghiệp của kinh tế tư nhân bình quân giai đoạn 2011 – 2015 đạt 18%

3.2.2. Cơ sở và tính hợp lý của mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Khánh Hòa

KTTN có độ nhạy cảm rất cao với thị trường. Sự phát triển kinh tế tư nhân sẽ là giải pháp quan trọng nhằm tạo việc làm, chống lại tình trạng thất nghiệp và tăng thu nhập cho người lao động trong tỉnh và cả cho các tỉnh bạn.

Để vững bền và phát triển trên thị trường, tất yếu phải có sự lựa chọn ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có lợi nhất, phải đổi mới, hiện đại hóa kỹ thuật, công nghệ trong doanh nghiệp. Quá trình này tất yếu sẽ góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng CNH, HĐH, hợp lý và có hiệu quả.

Cạnh tranh là một nhân tố không thể thiếu nền kinh tế thị trường hoạt động có hiệu quả. Để phát huy tốt vai trò của nhân tố này, trên địa bàn của tỉnh Khánh Hòa cũng như của cả nước hiện nay không thể thiếu vắng KTTN.



3.3. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.3.1. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Đơn giản hoá thủ tục hành chính là giảm bớt ãuợc những trở ngại về mặt hành chính, là cắt giảm ãuợc thời gian và chi phí (gánh nặng hành chính) cho các doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy ãnh và thủ tục hành chính.

3.3.2. Nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Đẩy mạnh việc công khai cho các doanh nghiệp cũng như người dân về các qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng ãất, các khu công nghiệp, vùng nguyên liệu....

Phổ biến các văn bản pháp luật, thủ tục hành chính phải ãuợc coi là trách nhiệm của các cấp chính quyền.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và coi ãây là hình thức phổ biến thông tin có hiệu quả và nhanh nhạy nhất giữa các cơ quan chức năng với các doanh nghiệp.

Đa dạng hoá các kênh thông tin ãể tạo ãhiều kiện thuận lợi cho DN tiếp cận thông tin, góp phần minh bạch hoá các chính sách của Nhà nước.

3.3.3. Khuyến khích và tạo ãhiều kiện ãể hộ kinh doanh cá thể chuyển thành doanh nghiệp

- Phổ biến, tuyên truyền về những ưu thế khi chuyển từ hộ kinh doanh cá thể sang các loại hình doanh nghiệp.

- Nhà nước hỗ trợ ãể các hộ kinh doanh cá thể có ãuợc thông tin về thị trường, ãổi mới công nghệ; phát triển nguồn nhân lực có khả năng quản trị doanh nghiệp.

- Các sở ban ngành của tỉnh cần phải ãối thoại và trao ãổi với hộ kinh doanh cá thể ãể nắm bắt ãuợc những khó khăn mà hộ



kinh doanh ñang gặp phải và trao ñổi những vấn ñề chủ trương chính sách của nhà nước nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân và những lợi ích của việc thành lập doanh nghiệp.

3.3.4. Xây dựng các dự án gọi vốn ñầu tư

Xây dựng danh mục các dự án gọi vốn ñầu tư trên ñịa bàn tỉnh Khánh Hoà ñến năm 2015 ñể ñịnh hướng và kêu gọi các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào các dự án ñầu tư này. Chú trọng cả xúc tiến ñầu tư ñể thu hút các dự án ñầu tư mới và các hoạt ñộng hỗ trợ các nhà ñầu tư ñể triển khai hiệu quả các dự án ñầu tư ñang hoạt ñộng. Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc ñể các doanh nghiệp tư nhân hoạt ñộng thuận lợi.

Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch và danh mục dự án gọi vốn nhằm ñảm bảo tính minh bạch, ổn ñịnh và có thể dự ñoán trước ñược, ñồng thời tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn cơ hội ñầu tư.

3.3.5. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn cung tài chính phù hợp

Khuyến khích các Ngân hàng thương mại ñơn giản hoá các thủ tục vay vốn ñể các DN dễ dàng tiếp cận ñược các nguồn tín dụng. Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của tỉnh có thể hỗ trợ kinh phí cho các NHTM tiến hành những ñiều tra cơ bản về các DN của tỉnh ñể NHTM có ñầy ñủ thông tin hơn về hoạt ñộng của các DN.

Thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ bảo lãnh tín dụng với mục ñích tài trợ các chương trình giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho các DN.

3.3.6. Tạo ñiều kiện cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận ñất ñai

Tăng cường công tác giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ñất trên ñịa bàn tỉnh, ñặc biệt là các loại ñất cho DN thuê ñể hoạt ñộng sản xuất kinh doanh theo quy ñịnh của pháp luật.



Tiếp tục mở rộng, xây dựng các khu công nghiệp nhỏ và vừa
đã được quy hoạch, các địa phương trong tỉnh sẽ dành một số quỹ đất
nhất định để xây dựng các khu công nghiệp cho doanh nghiệp của
KTTN, phần đất mỗi huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh có ít nhất một
khu công nghiệp nhỏ và vừa.

3.3.7. Cải thiện chất lượng nguồn nhân lực

Hỗ trợ đào tạo nghề chuyên sâu phục vụ cho doanh nghiệp
thuộc những ngành nghề thế mạnh, có tiềm năng tăng trưởng, trên cơ
sở xác định danh mục nghề chuyên sâu từ nhu cầu của các doanh
nghiệp, khả năng đáp ứng của cơ sở đào tạo và sự hỗ trợ của tỉnh

Trợ giúp kinh phí để tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực cho
doanh nghiệp của KTTN thông qua chương trình trợ giúp đào tạo.
Hàng năm, tỉnh phải cấp kinh phí cho các Trung tâm hỗ trợ cho DN
mở các lớp đào tạo về Khởi sự DN, kế toán cho nhà lãnh đạo, quản
trị DN và Giám đốc điều hành (CEO)...

3.3.8. Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật tiên bộ

Triển khai các hoạt động nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực
mà tỉnh có tiềm năng và lợi thế, như phát triển ngành du lịch, phát
triển kinh tế biển, cảng nước sâu...;

Khuyến khích và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa các DN
trong tỉnh với các nhà cung cấp thiết bị công nghệ;

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên doanh giữa các DN của
KTTN với các doanh nghiệp lớn nhằm đổi mới và chuyển giao công
nghệ; Hỗ trợ đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên ngành cho đội
ngũ kỹ sư và kỹ thuật viên trong các DN;

Hỗ trợ cung cấp thông tin và xuất bản các bản in, ấn phẩm
về khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp....



3.3.9. Xúc tiến, quảng bá và tăng cường hợp tác du lịch

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển du lịch bao gồm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch và đầu tư phát triển du lịch. Phát triển du lịch cao cấp nhằm tăng nhanh doanh thu du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động du lịch văn hóa. Tăng cường hợp tác du lịch nhằm thoả mãn cao nhất nhu cầu của khách du lịch, tạo thuận lợi và tiện nghi cho khách du lịch tới Khánh Hoà.

Tập trung đầu tư tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội với mục tiêu xây dựng môi trường du lịch lành mạnh, biến Khánh Hoà thực sự là điểm đến du lịch an toàn và thân thiện.

3.3.10. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, mở rộng sản xuất kinh doanh

Trợ giúp các DN trưng bày, giới thiệu, quảng cáo, tiếp thị các sản phẩm có tiềm năng thông qua việc hỗ trợ xây dựng khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm để tạo nhiều điều kiện mở rộng thị trường.

Khuyến khích phát triển, tăng cường sự liên kết giữa các DN của KTTN với các DN khác về hợp tác sản xuất sản phẩm, sản xuất linh kiện, phụ kiện, phụ tùng ..., nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp KTTN.

Khuyến khích doanh nghiệp KTTN tăng cường xuất khẩu, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các DN liên kết hợp tác với nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu...

Hỗ trợ các DN tiến hành các hoạt động quảng bá thương hiệu và tham dự hội chợ quốc tế như: Hỗ trợ các DN tham gia hội chợ triển lãm quốc tế chuyên ngành; Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu...

Hỗ trợ phát triển sản phẩm như: Cung cấp thông tin về nặc



tính và yêu cầu của sản phẩm tại những thị trường xuất khẩu mục tiêu; Hỗ trợ thiết kế sản phẩm thông qua các công ty chuyên về thiết kế sản phẩm...

3.3.11 Phát triển các dịch vụ hỗ trợ sản xuất - kinh doanh

Nâng cao nhận thức của các DN về tầm quan trọng của các dịch vụ phát triển kinh doanh nối với sự tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp.

Nâng cao năng lực cho các nhà cung cấp dịch vụ tại địa phương.

Tăng cường hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp theo hướng cung cấp thông tin và các dịch vụ cho các doanh nghiệp thành viên.

3.3.12. Bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên

Có thể nhận thấy các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh Khánh Hoà phụ thuộc rất lớn vào nguồn tài nguyên thiên nhiên. Do vậy, để tạo nhiều điều kiện cho các DN tăng trưởng cao và bền vững, chính quyền địa phương cần thực hiện tốt vai trò bảo đảm sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Đối với ngành chế biến thủy sản, việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản vẫn được coi là biện pháp quan trọng để phát triển kinh tế thủy sản bền vững. Chính quyền địa phương với các công cụ pháp luật và lực lượng trong tay cần thực hiện tốt hơn nhiệm vụ này.

Đối với ngành du lịch, việc bảo vệ thắng cảnh, khai thác hợp lý và khoa học tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo vệ sinh môi trường là những vấn đề rất quan trọng nối với sự phát triển bền vững của ngành du lịch. Chính quyền Khánh Hoà cần xây dựng các quy định, quy chế và tổ chức bộ máy để củng cố và duy trì các nỗ lực để bảo tồn các danh thắng và môi trường du lịch.